

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây Dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

1. Khu vực Lệ Môn - Lạch Sung với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm LM1, LM2, LM3, LM4 và LM5, LM6, LM9, LM10, LM11, LM12 có các tọa độ sau đây:

LM1: 19°46'40,2"N, 105°55'44,6"E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Nam);

LM2: 19°45'12,0"N, 106°00'00,0"E;

LM3: 19°45'12,3"N, 106°02'52,3"E;

LM4: 19°51'11,4"N, 106°02'54,7"E;

LM5: 19°52'24,8"N, 106°01'19,4"E;

LM6: 19°57'35,1"N, 106°01'24,2"E;

LM9: 19°56'29,4"N, 105°59'10,1"E;

LM10: 19°52'26,5"N, 105°57'23,9"E;

LM11: 19°49'57,6"N, 105°57'13,3"E;

LM12: 19°47'47,4"N; 105°56'07,2"E (điểm nhô ra xa nhất của cửa Lạch Trào - sông Mã về phía Bắc).

b) Ranh giới trên sông Mã: từ hai điểm LM1 và LM12, chạy dọc theo hai bờ sông đến đường thẳng cắt ngang sông, cách cầu Hoàng Long 200m về phía hạ lưu.

c) Ranh giới trên sông Lèn: từ các điểm LM6 và LM9 chạy dọc theo hai bờ sông đến các điểm LM7 và LM8 có tọa độ vị trí sau đây:

LM7: 19°57'47.4" N, 105°58'42.9" E;

LM8: 19°57'42.4" N, 105°58'42.5" E.

2. Khu vực Nghi Sơn với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm NS1, NS2, NS3, NS4, NS5, NS6, NS7, NS8 và NS9 có các tọa độ sau đây:

NS1: 19°25'36,4"N, 105°48'35,7"E;

NS2: 19°26'37,2"N, 105°51'57,6"E;

NS3: 19°26'31,9"N, 106°08'06,5"E;

NS4: 19°15'38,6"N, 106°08'05,3"E;

NS5: 19°15'38,3"N, 105°57'27,3"E;

NS6: 19°13'21,6"N, 105°57'26,6"E;

NS7: 19°13'21,6"N, 105°53'05,3"E;

NS8: 19°16'31,6"N, 105°50'24,3"E;

NS9: 19°17'16,6"N, 105°48'10,3"E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm NS1 chạy dọc theo bờ biển xuống phía Nam đến điểm NS9.

3. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN30004 và VN40013 được cập nhật mới nhất năm 2024. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo.

Điều 2. Khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa bao gồm 02 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Lệ Môn - Lạch Sung.
2. Khu vực hàng hải Nghi Sơn.

Điều 3. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và các khu vực hàng hải được quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 44/2016/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa, khu vực hàng hải và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.
3. Bãi bỏ số thứ tự số 05 tại Phụ lục Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (BTP);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CHHĐTVN (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa tại khu vực Lê Môn - Lạch Sung.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
LM1	19°46'40,2"	105°55'44,6"	19°46'36,6"	105°55'51,3"	Phía bờ
LM2	19°45'12,0"	106°00'00,0"	19°45'08,4"	106°00'06,7"	Phía biển
LM3	19°45'12,3"	106°02'52,3"	19°45'08,7"	106°02'59,0"	Phía biển
LM4	19°51'11,4"	106°02'54,7"	19°51'07,8"	106°03'01,4"	Phía biển
LM5	19°52'24,8"	106°01'19,4"	19°52'21,2"	106°01'26,1"	Phía biển
LM6	19°57'35,1"	106°01'24,2"	19°57'31,5"	106°01'30,9"	Phía bờ
LM7	19°57'47,4"	105°58'42,9"	19°57'43,8"	105°58'49,6"	Phía bờ
LM8	19°57'42,4"	105°58'42,5"	19°57'38,8"	105°58'49,2"	Phía bờ
LM9	19°56'29,4"	105°59'10,1"	19°56'25,8"	105°59'16,8"	Phía bờ
LM10	19°52'26,5"	105°57'23,9"	19°52'22,9"	105°57'30,6"	Phía bờ
LM11	19°49'57,6"	105°57'13,3"	19°49'54,0"	105°57'20,0"	Phía bờ
LM12	19°47'47,4"	105°56'07,2"	19°47'43,8"	105°56'13,9"	Phía bờ

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa tại khu vực Nghi Sơn.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
NS1	19°25'36,4"	105°48'35,7"	19°25'32,8"	105°48'42,4"	Phía bờ
NS2	19°26'37,2"	105°51'57,6"	19°26'33,6"	105°52'04,3"	Phía biển
NS3	19°26'31,9"	106°08'06,5"	19°26'28,3"	106°08'13,2"	Phía biển
NS4	19°15'38,6"	106°08'05,3"	19°15'35,0"	106°08'12,0"	Phía biển
NS5	19°15'38,3"	105°57'27,3"	19°15'34,7"	105°57'34,0"	Phía biển
NS6	19°13'21,6"	105°57'26,6"	19°13'18,0"	105°57'33,3"	Phía biển
NS7	19°13'21,6"	105°53'05,3"	19°13'18,0"	105°53'12,0"	Phía biển
NS8	19°16'31,6"	105°50'24,3"	19°16'28,0"	105°50'31,0"	Phía biển
NS9	19°17'16,6"	105°48'10,3"	19°17'13,0"	105°48'17,0"	Phía bờ